**Tiết PPCT: 01**

**Ngày soạn: 6/9/2021**

**Bài 1: SỰ TƯƠNG PHẢN VỀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC NHÓM NƯỚC.**

**CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Biết được sự tương phản về trình độ kinh tế- xã hội của các nhóm nước: phát triển và đang phát triển, các nước và vùng lãnh thổ công nghiệp mới

- Trình bày được đặc điểm nổi bật của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại

- Trình bày được tác động của cuộc các mạng khoa học công nghệ hiện đại tới sự phát triển

**2. Kĩ năng:**

- Phân tích các bảng số liệu

- Đọc bản đồ và lược đồ

**3. Thái độ:**

Xác định cho mình thái độ học tập để thích ứng với cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại

**4. Định hướng các năng lực được hình thành:**

**-** Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ

- Năng lực chuyên biệt: tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, sử dụng bản đồ, lược đồ

**II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**1. Đối với giáo viên:**

- Phiếu học tập

- Máy chiếu và các phương tiện khác

**2. Đối với học sinh:**

- Thực hiện các dự án đã được phân công và chuẩn bị báo cáo

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**1. Ổn định lớp:**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Các hoạt động học tập:**

**A. Đặt vấn đề/ Khởi động/ Tình huống xuất phát**

1. Mục tiêu:

2. Phương pháp/kĩ thuật dạy học:

3. Phương tiện:

4. Tiến trình hoạt động

*Bước 1: Giao nhiệm vụ*

GV đặt vấn đề: Nhóm nước phát triển và nhóm nước đang phát triển không có sự tương phản về kinh tế - xã hội”. Anh/chị hãy trình bày và giải thích quan điểm của mình về nhận định trên

*Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ*

HS huy động kiến thức của bản thân để trả lời. HS thực hiện và ghi ra giấy nháp, chuẩn bị để trình bày

*Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả*

GV mời 01 HS báo cáo, các HS khác trao đổi và bổ sung thêm

*Bước 4: Đánh giá*

GV sử dụng nội dung trả lời để tạo ra tình huống có vấn đề và dẫn dắt vào nội dung bài học.

**B. Hình thành kiến thức/ kĩ năng mới**

**Hoạt động 1. Tìm hiểu sự phân chia các nhóm nước và sự tương phản trong trình độ phát triển kinh tế xã hội giữa các nhóm nước**

**1. Mục tiêu:**

- Biết được các tiêu chí dùng để phân loại các nhóm nước

- Biết được sự tương phản về trình độ kinh tế- xã hội của các nhóm nước: phát triển và đang phát triển, các nước và vùng lãnh thổ công nghiệp mới

**-** Biết được định hướng phát triển kinh tế của Việt Nam trong tương lai từ đó có thái độ đúng đắn trong việc phát triển kinh tế nước nhà

- Kĩ năng tính toán, xử lí số liệu; thu thập và xử lí tài liệu

**2. Phương pháp/kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp khăn trải bàn

- Sử dụng số liệu thống kê

**3. Phương tiện:**

- Máy chiếu

- Số liệu thống kê

**4. Tiến trình hoạt động:**

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Chuẩn bị của GV: 4 tờ giấy A0, mỗi HS một tờ giấy A4.

- Phân nhóm: Chia lớp thành 4 nhóm

- Nội dung thảo luận:

+ VĐ 1: Các nước trên thế giới chia thành mấy nhóm?Các tiêu chí phân chia các nhóm nước.

+ VĐ 2: Chứng minh sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế của các nhóm dựa vào các tiêu chí trên

+ VĐ 3: Trình bày sự phát triển của Việt Nam dựa trên các tiêu chí trên.

+ VĐ 4: Định hướng phát triển kinh tế xã hội trong tương lai của nước ta

- Thời gian thảo luận: 10 phút

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ

Mỗi HS tự làm lên giấy A4, sau đó nhóm thảo luận lấy ý kiến chung chuẩn bị báo cáo trước lớp

Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả

GV lần lượt gọi 4 nhóm lên trình bày kết quả

Bước 4: Đánh giá

GV dựa vào quá trình làm bài và kết quả báo cáo cho điểm cộng

|  |
| --- |
| **Nội dung chính**- Trên 200 quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau được chia làm 2 nhóm nước: phát triển và đang phát triển.- Một số nước vùng lãnh thổ đạt được trình độ nhất định về công nghiệp gọi là các nước công nghiệp mới (NICs).- Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế xã hội giữa các nhóm nước- GDP bình quân đầu người chênh lệch lớn giữa các nước phát triển và đang phát triển- Trong cơ cấu kinh tế:      + các nước phát triển khu vực dịch vụ chiếm tỉ lệ rất lớn, nông nghiệp rất nhỏ.      + các nước đang phát triển tỉ lệ ngành nông nghiệp còn cao.- Tuổi thọ trung bình các nước phát triển > các nước đang phát triển.- HDI các nước phát triển > các nước đang phát triển |

**Hoạt động 2. Luyện tập/ Củng cố**

**1. Mục tiêu**: Nhằm củng cố lại kiến thức đã học/ rèn luyện kĩ năng bài học/ góp phần hình thành năng lực …

**2. Phương thức:** hoạt động cá nhân

**3. Tổ chức hoạt động:**

*Bước 1: Giao nhiệm vụ*

- Vẽ sơ đồ các tiêu chí phân loại các nhóm nước

*Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ tại lớp*

*Bước 3: Đánh giá*

Giáo viên kiểm tra kết quả thực hiện của học sinh. Điều chỉnh kịp thời những vướng mức của học sinh trong quá trình thực hiện

**Hoạt động 5. Vận dụng/ Bài tập về nhà**

**1. Mục tiêu:** Giúp học sinh vận dụng hoặc liên hệ kiến thức đã học vào một vấn đề cụ thể của thực tiễn về …

**2. Nội dung:**

- Giáo viên hướng dẫn học sinh tự đặt vấn đề để liên hệ hoặc vận dụng

- Trường hợp học sinh không tìm được vấn đề để liên hệ hoặc vận dụng, giáo viên có thể yêu cầu …

(nhiệm vụ yêu cầu: tìm hiểu về GDP/ người và chỉ số HDI của địa phương)

**3. Đánh giá:** Giáo viên khuyến khích, động viên các học sinh làm bài và nhận xét sản phẩm của học sinh

**Phụ lục**

**1. Phân chia các nhóm nước dựa vào các tiêu chí**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Phát triển** | **Đang phát triển** |
| GDP/ người (theo liên hiệp quốc- UN) | Có GDP/ người cao > 10000 USD | Có GDP/ người thuộc+ nhóm trung bình 736- 10000 USD+ nhóm thấp: < 736 |
| HDI- chỉ số phát triển con người | HDI >0,8 | HDI thuộc nhóm + trung bình: 0,5- 0,8+ thấp: < 0,5 |
| Cơ cấu kinh tế | Tỉ trọng khu vực III cao, tỉ trọng khu vực I thấp | Tỉ trọng khu vực III chưa cao, tỉ trọng khu vực I còn khá cao |
| Tuổi thọ trung bình ( so sánh với tuổi thọ trung bình thế giới) | > 71,4 tuổi | < 71,4 tuổi |
| FDI | Cao  | Thấp |
| Nợ nước ngoài | Thấp | Cao  |

**2. Một số khái niệm/ thuật ngữ**

**- HDI:** Chỉ số phát triển con người HDI (Human Development Index) là tổng hợp ba chỉ tiêu: thu nhập bình quân đầu người, tuổi thọ trung bình và trình độ văn hóa.

**- GDP: tổng sản phẩm nội địa**, tức **tổng sản phẩm quốc nội** hay **GDP** (viết tắt của *Gross Domestic Product*) là *giá trị thị trường* của tất cả hàng hóa và dịch vụ *cuối cùng* được sản xuất ra trong *phạm vi một lãnh thổ nhất định*(thường là quốc gia) trong một *thời kỳ nhất định* (thường là một năm).

|  |
| --- |
| **Các chỉ số của Việt Nam**- GDP khoảng 4.159 USD/lao động- Chỉ số Phát triển con người HDI tổng quát của Việt Nam tăng 1% lên 0,683 ( thứ 6 ĐNA)- Tuổi thọ trung bình tăng nhanh, đạt 73,4 tuổi năm 2016, |

**IV. RÚT KINH NGHIỆM SAU GIỜ DẠY**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….........................

**Tiết PPCT: 02**

**Ngày soạn: 6/9/2020**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  |  |  |

**Tự chọn 1: KHÁI QUÁT VỀ KĨ NĂNG ĐỊA LÝ**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

Sau bài học, HS cần:

**1. Kiến thức:**

- Nắm được các kĩ năng địa lí cơ bản như bảng số liệu, biểu đồ, nhận xét biểu đồ, bản đồ, lược đồ, Atslat.

- Biết được mục đích, cách vận dụng các kĩ năng địa lí cơ bản vào bài học.

**2. Kĩ năng:**

- Biết được cách vẽ cách nhận xét, cách đọc biểu đồ, bản đồ, Atlat.

- Nắm được chức năng của từng loại biểu đồ, bảng số liệu và bản đồ.

- Sử dụng các kĩ năng địa lí để tìm thông tin cần thiết.

**3. Thái độ:**

- Tầm quan trọng của kĩ năng địa lí trong học tập cũng như trong đời sống.

**4. Năng lực**

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp,năng lực hợp tác…

- Năng lực chuyên biệt: Năng lực tổng hợp lãnh thổ, năng lực định hướng không gian.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC**

- Một số biểu đồ đã vẽ sẵn.

- Một số bảng số liệu.

- Một số lược đồ, bản đồ, Atlat.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

***1. Ổn định lớp:***

***2. Kiểm tra bài cũ:***

***3. Bài mới***

**Hoạt động 1. Khái quát về kĩ năng địa lý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** |
| **Hoạt động 1:** Cả lớp***Bước 1:*** GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức đã học, hãy ***-*** Kể tên các dạng kĩ năng thường gặp trong địa lí- Có các dạng bài kĩ năng địa lí nào thường làm trong các bài thi?- Tại sao lại có nhiều dạng kĩ năng địa lí như vậy?***Bước 2:*** HS trả lời.***Bước 3.*** GV chuẩn kiến thứcCho Hs xem 1 số dạng biểu đồ, bảng số liệu, bản đồ. | **I. Khái quát** Các kĩ năng địa lí cơ bản gồm- Vẽ biểu đồ, nhận xét biểu đồ:+ Vẽ biểu đồ hình cột (hoặc thanh ngang)+ Vẽ biểu đồ hình tròn (hoặc hình vuông)+ Vẽ biểu đồ đường biểu diễn (đồ thị)+ Vẽ biểu đồ kết hợp (giữa cột và đồ thị)+ Vẽ biểu đồ miền.- Phân tích bảng số liệu thống kê.- Đọc bản đồ, lược đồ (Xác định vị trí, tìm đối tượng, xác định mối quan hệ)- Viết báo cáo,… |

***Hoạt động 2. Kĩ năng biểu đồ, nhận xét biểu đồ, bảng số liệu***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** |
| ***Bước 1:*** GV nêu câu hỏi:- Kể tên các loại biểu đồ mà em biết?- Mục đích của việc sử dụng biểu đồ là gì?- Tại sao các biểu đồ lại phong phú đa dạng?***Bước 2:*** HS trả lời, các HS khác bổ sung.***Bước 3:*** GV chuẩn kiến thức.(Nêu 1 số dạng phổ biến được sử dụng trong các kì thi. Cách làm)- Gv: Theo em, mục đích của việc nhận xét biểu đồ, bảng số liệu là gì?Nhận xét gồm mấy bước, gồm những bước nào?- HS trả lời, Gv chuẩn. | ***1. Vẽ biểu đồ******- Khái niệm:*** Là một hình vẽ cho phép mô tả động thái phát triển của một hiện tượng (như quá trình phát triển công nghiệp qua các năm…), mối tương quan về độ lớn giữa các đối tượng (như so sánh sản lượng lương thực của các vùng…) hoặc cơ cấu thành phần của một tổng thể (như cơ cấu ngành kinh tế…)***-* Mục đích:** Hệ thống hóa số liệu một cách trực quan- Các loại biểu đồ rất phong phú, đa dạng.Mỗi loại biểu đồ lại có thể được dùng để biểu hiện nhiều mục đích khác nhau. Vì vậy, khi vẽ biểu đồ, việc đầu tiên là phải đọc kĩ đề bài tìm hiểu mục đích, yêu cầu định thể hiện trên biểu đồ. Sau đó, căn cứ vào mục đích, yêu cầu đã được xác định để lựa chọn loại biểu đồ thích hợp nhất.***- Lưu ý:*** Khi vẽ bất cứ loại biểu đồ nào, củng phải đảm bảo được 3 yêu cầu:+ Khoa học (chính xác).+ Trực quan (rõ ràng, dễ đọc, dễ hiểu).+ Thẩm mĩ (đẹp).**2. Nhận xét biểu đồ, bảng số liệu**- Mục đích: Thấy được sự thay đổi theo tiến trình thời gian, so sánh giữa các đối tượng với nhau => chứng minh cho các nhận định.- Gồm 3 bước+ NXC: Khái quát chung+ NXR: nhận xét từng đối tượng theo từng năm/ theo tiến trình thời gian.+ Kết luận. **- Lưu ý:** + Xác định đúng yêu cầu, phạm vi cần nhận xét.+ Cần tìm ra tính quy luật hay mối liên hệ nào đó giữa các số liệu.+ Không được bỏ sót các dữ liệu. Nếu bỏ sót các số liệu sẽ dẫn đến việc phân tích thiếu chính xác hoặc có những sai sót.+ Cần bắt đầu bằng việc phân tích các số liệu có tầm khái quát cao (số liệu mang tính tổng thể), sau đó phân tích các số liệu thành phần.+ Tìm những giá trị lớn nhất, nhỏ nhất, trung bình. Đặc biệt chú ý tới những số liệu mang tính đột biến (tăng hoặc giảm).+ Có thể phải chuyển số liệu tuyệt đối sang số liệu tương đối để dễ dàng so sánh, phân tích, tổng hợp.+ Tìm mối liên hệ giữa các số liệu theo cả hàng ngang và hàng dọc. |

**Hoạt động 2: Kĩ năng đọc bản đồ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** |
| ***Bước 1:*** GV nêu câu hỏi:- Bản đồ là gì?- Mục đích của việc sử dụng bản đồ là gì?- Cách đọc bản đồ***Bước 2:*** HS trả lời, các HS khác bổ sung.***Bước 3:*** GV chuẩn kiến thức. Cho Hs quan sát một số bản đồ.(Nêu một số dạng thường gặp trong các bài thi. Hướng dẫn cách làm) | ***- Khái niệm:*** Là đối tượng trên thực tế được thu nhỏ vào một mặt phẳng với tỉ lệ nhất định***-* Mục đích:** Xác định vị trí,phạm vi, không gian và mối quan hệ của các đối tượng, hiện tượng địa lí.***-*** Các bước đọc bản đồ+ Xác định tỉ lệ bản đồ+ Xác định phương hướng (B, N, Đ, T)+ Xác định các đối tượng, hiện tượng => Tìm ra mối quan hệ của các đối tượng. |

**IV. LUYỆN TẬP**

**Em hãy chọn câu trả lời đúng nhất:**

**Câu 1.** Diện tích cao su của thế giới & Đông Nam Á (Đơn vị :Triệu ha)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 1985 | 1995 | 2005 | 2013 |
| Đông Nam Á | 3,4 | 4,9 | 6,4 | 9,0 |
| Thế giới | 4,2 | 6,3 | 9,0 | 12,0 |

Để thể hiện diện tích cao su của các nước ĐNÁ và thế giới giai đoạn 1985-2013, biểu đồ nào là thích hợp nhất?

A. Biểu đồ cột B. Biểu đồ đường C. Biểu đồ kết D. Biểu đồ miền.

**Câu 2**. Nhận xét nào sau đây *không đúng* về sự thay đổi diện tích cao su của các nước ĐNA và thế giới từ 1985-2013?

A.Diện tích cao su của thế giới tăng mạnh.

B.Tốc độ tăng diện tích cao su của ĐNA chậm hơn của thế giới

C. Diện tích cao su ĐNA tăng liên tục.

D. Diện tích cao su của ĐNA tăng nhanh hơn diện tích cây cao su của thế giới

**Câu 3.** Cho biểu đồ về GDP của In-đô-nê-xi-a giai đoạn 2000 – 2015





*(Nguồn: Bài tập trắc nghiệm Địa lí 11, NXB Giáo dục)*

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

 **A.** Sự chuyển dịch cơ cấu GDP của In-đô-nê-xi-a, giai đoạn 2000 – 2015.

 **B.** Quy mô GDP của In-đô-nê-xi-a, giai đoạn 2000 – 2015.

 **C.** Quy mô và cơ cấu GDP của In-đô-nê-xi-a, giai đoạn 2000 – 2015.

 **D.** Tốc độ tăng trưởng GDP của In-đô-nê-xi-a, giai đoạn 2000 – 2015.

**Câu 4.** BIỂU ĐỒ CƠ CẤU LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM *(Đơn vị: %)*



Nhận xét nào sau đây đúng với sự thay đổi cơ cấu lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc phân theo thành phần kinh tế của nước ta từ năm 2005 và 2015?

**A.** Số lao động Nhà nước tăng ít nhất và không ổn định.

**B.** Lao động trong khu vực kinh tế ngoài Nhà nước có tỉ trọng lớn nhất.

**C.** Tỉ trọng lao động của khu vực kinh tế ngoài Nhà nước luôn tăng.

**D.** số lao động người Nhà nước tăng liên tục và nhiều nhất.

**V. RÚT KINH NGHIỆM SAU GIỜ DẠY**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................